KMSC Members Championship Points Table

	Superbike		29	Apr .	/ 1 N	<i>l</i> lay		Points	;
NO	NAME	Member	R1	R2	R3	R4 R1	R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 Total	1st	#
71	Matthew Paulo		11	20	25	25	81	2nd	#
69	Jordan Fleming		16	16	13	20	65	3rd	#
ç	Callum Grigor		13	25	20		58	4th	#
29	Andrew Buchanan		10	13	11	16	50	5th	#
12	2 William Monie		25		16		41	6th	#
3	B Daniel Maclean		8		10	13	31	7th	9
37	' Steven Patterson		7		9	11	27	8th	8
79	Bruce Birnie		20				20	9th	7
28	Paul Bowerbank		9	11			20	10th	6
								11th	5
								12th	4
								13th	3
								14th	2
								15th	1

	Clubman	29 /	Apr	/ 1 N	⁄lay				Points	
NO	NAME	Member R1	R2	R3	R4 R1	R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1	R2 R3 R4 Total		1st	#
8	Patryk Motyka	25	20	13	20		78	8	2nd	#
26	Mark Little		16	25	25		6	6	3rd	#
81	Steven Mccreight	10	25	16	13		6	4	4th	#
317	Louis Bruce	13	11	20	16		6	0	5th	#
88	Sean Mctaggart	16	10	10			3	6	6th	#
277	Lee Mcalister	9	8	7	9		3	3	7th	9
20	Martyn Reid	20		11			3	1	8th	8
34	Mark Woods	11	9		11		3	1	9th	7
4	Paul Mclean		13	9			2:	2	10th	6
36	Graeme Barr						(0	11th	5
27	Cole Rogerson			8	10				12th	4
									13th	3
									14th	2
									15th	1

inclination of all all in	piorioriip i c)II ILO	I ak	JIC																		
F600		29	Apr	/ 1 N	/lay																	
NAME	Member	R1	R2	R3	R4	R1 R2	R3	R4	R1 F	R2 R	3 R	4 R1	R	2 R	3 R4 T	Total					Points	
Oliver Barr		10	11	25	25												71				1st	#
Philip Stewart		16	16	20	13												65				2nd	#
Jon Dickie		25		16	20												61				3rd	#
Kenneth Thirlwall		13	13	13	16												55				4th	#
Bruce Birnie		20	25														45				5th	#
David Mcarthur		6	10	11	11												38				6th	#
Danny Brown		9	6	9	9												33				7th	9
Harry Pullar		11	20														31				8th	8
David Munro		8	8	8	7												31				9th	7
Mike Swanson		7	7	6	8												28				10th	6
Fletcher Mcinally		4	4	10	10												28				11th	5
Barry Stewart			5	7	6												18				12th	4
Peter Duncan		5	9														14				13th	3
Mark Laing			2	5	5												12				14th	2
Chris Spellman		2	3	3	3												11				15th	1
Liam Mackie		3	1	2	4												10					
Andy Donald				4	2												6					
Richard Duncan				1													1					
	F600 NAME Oliver Barr Philip Stewart Jon Dickie Kenneth Thirlwall Bruce Birnie David Mcarthur Danny Brown Harry Pullar David Munro Mike Swanson Fletcher Mcinally Barry Stewart Peter Duncan Mark Laing Chris Spellman Liam Mackie Andy Donald	F600 NAME Member Oliver Barr Philip Stewart Jon Dickie Kenneth Thirlwall Bruce Birnie David Mcarthur Danny Brown Harry Pullar David Munro Mike Swanson Fletcher Mcinally Barry Stewart Peter Duncan Mark Laing Chris Spellman Liam Mackie Andy Donald	F600NAMEMemberR1Oliver Barr10Philip Stewart16Jon Dickie25Kenneth Thirlwall13Bruce Birnie20David Mcarthur6Danny Brown9Harry Pullar11David Munro8Mike Swanson7Fletcher Mcinally4Barry Stewart4Peter Duncan5Mark Laing5Chris Spellman2Liam Mackie3Andy Donald3	F600 29 Apr NAME Member R1 R2 Oliver Barr 10 11 Philip Stewart 16 16 Jon Dickie 25 Kenneth Thirlwall 13 13 Bruce Birnie 20 25 David Mcarthur 6 10 Danny Brown 9 6 Harry Pullar 11 20 David Munro 8 8 Mike Swanson 7 7 Fletcher Mcinally 4 4 Barry Stewart 5 9 Mark Laing 2 3 Chris Spellman 2 3 Liam Mackie 3 1 Andy Donald 3 1	NAME Member R1 R2 R3 Oliver Barr 10 11 25 Philip Stewart 16 16 20 Jon Dickie 25 16 Kenneth Thirlwall 13 13 13 Bruce Birnie 20 25 David Mcarthur 6 10 11 Danny Brown 9 6 9 Harry Pullar 11 20 David Munro 8 8 8 Mike Swanson 7 7 6 Fletcher Mcinally 4 4 10 Barry Stewart 5 7 Peter Duncan 5 9 Mark Laing 2 5 Chris Spellman 2 3 3 Liam Mackie 3 1 2 Andy Donald 4 4	F600 29 Apr / 1 May NAME Member R1 R2 R3 R4 R4 Oliver Barr 10 11 25 25 Philip Stewart 16 16 20 13 Jon Dickie 25 16 20 Kenneth Thirlwall 13 13 13 16 Bruce Birnie 20 25 25 David Mcarthur 6 10 11 11 Danny Brown 9 6 9 9 Harry Pullar 11 20 David Munro 8 8 8 7 Mike Swanson 7 7 6 8 Fletcher Mcinally 4 4 10 10 Barry Stewart 5 7 6 Peter Duncan 5 9 Mark Laing 2 5 5 Chris Spellman 2 3 3 3 3 Liam Mackie 3 1 2 4 4 2	F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 Oliver Barr 10 11 25 25 16 20 Philip Stewart 16 16 20 13 13 13 16 20 Jon Dickie 25 16 20 11 11 11 11 11 11 11 11 11 11 11 11 11 12 20 18 8 8 7 7 6 8 8 8 7 7 6 8 8 8 7 6 8 <td< td=""><td>F600 29 Apr / 1 May NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 Oliver Barr 10 11 25 25 Philip Stewart 16 16 20 13 Jon Dickie 25 16 20 Kenneth Thirlwall 13 13 13 16 Bruce Birnie 20 25 </td><td>F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 Oliver Barr 10 11 25 25 16 20 Philip Stewart 16 16 20 13 13 13 13 16 20 Kenneth Thirlwall 13 13 13 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 18 20</td><td>F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3</td><td>F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R3</td><td>F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R3</td><td>F600 29 Apr / 1 May NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3<!--</td--><td>F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R3</td><td>NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 <</td><td>NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R3 <</td><td>NAME Member R1 R2 R3 R4 T0al Oliver Barr 10 11 25 25 25 25 25 20</td><td>F600 29 Apr / J May NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R3 R3 R3</td><td> NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3 R3 R3 R3 R3 R3</td><td>NAME Member R1 R2 R3 R4 R4 R1 R2 R3 R4 R4 R1 R2 R3 R4 R4</td><td>NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R3 R3 R3 R3 <</td><td>F600 29 Apr / 1 May NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4</td></td></td<>	F600 29 Apr / 1 May NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 Oliver Barr 10 11 25 25 Philip Stewart 16 16 20 13 Jon Dickie 25 16 20 Kenneth Thirlwall 13 13 13 16 Bruce Birnie 20 25	F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 Oliver Barr 10 11 25 25 16 20 Philip Stewart 16 16 20 13 13 13 13 16 20 Kenneth Thirlwall 13 13 13 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 16 20 18 20	F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3	F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R3	F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R3	F600 29 Apr / 1 May NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3 </td <td>F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R3</td> <td>NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 <</td> <td>NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R3 <</td> <td>NAME Member R1 R2 R3 R4 T0al Oliver Barr 10 11 25 25 25 25 25 20</td> <td>F600 29 Apr / J May NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R3 R3 R3</td> <td> NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3 R3 R3 R3 R3 R3</td> <td>NAME Member R1 R2 R3 R4 R4 R1 R2 R3 R4 R4 R1 R2 R3 R4 R4</td> <td>NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R3 R3 R3 R3 <</td> <td>F600 29 Apr / 1 May NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4</td>	F600 NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R3	NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 <	NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R3 <	NAME Member R1 R2 R3 R4 T0al Oliver Barr 10 11 25 25 25 25 25 20	F600 29 Apr / J May NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R3 R3 R3	NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R3 R3 R4 R1 R3 R3 R3 R3 R3 R3 R3	NAME Member R1 R2 R3 R4 R4 R1 R2 R3 R4 R4 R1 R2 R3 R4	NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R3 R3 R3 R3 <	F600 29 Apr / 1 May NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R3 R4

KMSC Members Championship Points Table

	Lightweights	29	Apr	/ 1 N	Иay			
NO	NAME	Member R1	R2	R3	R4 F	1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 Total	Points	;
	312 Ross Mcculloch	25	5 25	25	25	100	1st	#
	7 Steven Allison	20	20	20	20	80	2nd	#
	67 Ryan Burns	13	3 16	13	13	55	3rd	#
	111 Jimmy Shanks	16	3	16	16	48	4th	#
	76 Liam Burns	11	13	10	11	45	5th	#
	17 Raymond Duguid	9	10	7	7	33	6th	#
	77 Chris Muckle	7	7 8	9	9	33	7th	9
	21 Grant Reid		11	11	10	32	8th	8
	81 Keo Walker	8	3 9	6	8	31	9th	7
	25 Jim Purvis	10) 6	8	6	30	10th	6
	31 Darren Anderson	6	3 7	5		18	11th	5
	112 Mikey Taylor	4	1 5	4		13	12th	4
	117 Lianne Mayhew	5	5			5	13th	3
						0	14th	2
						0	15th	1

PI 600	29 Apr / 1 May
--------	----------------

NO	NAME	Member R1	R2	R3	R4 R1	R2 R	3 R4	R1	R2 R3	R4	R1	R2	R3 R4	4 Total		Points	
84	Kyle Harper	25	25	20	20										90	1st	#
94	Michael Mackinnon	20	20	25	25										90	2nd	#
47	Christopher Clements	16	16	16	16										64	3rd	#
34	Darren Greene	13	13	13	13										52	4th	#
64	James Crawford	11	11	10	10										42	5th	#
22	Gordon Donaghy	10	10	11	11										42	6th	#
15	Daniel Parr	9	9	9	9										36	7th	9
16	Aiden St pierre	8		7	7										22	8th	8
85	Scott Kirkpatrick	7	5	3	4										19	9th	7
26	Charlie Reynolds		8	4	6										18	10th	6
169	Andrew Tait		7	5	5										17	11th	5
126	Martin Bulman			8	8										16	12th	4
95	Douglas Prentice	6	6	1	2										15	13th	3
35	William Fraser		4	6	3										13	14th	2
87	William Lawson	5													5	15th	1
27	Callam Veitch			2	1										3		

	CB500	29 /	Apr .	/ 1 N	<i>l</i> lay			
NO	NAME	Member R1	R2	R3	R4 R	R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 Total	Points	;
87	Finn Chalk	25	25	25	25	100	1st	#
44	Keith Shepherd	16	20	20	16	72	2nd	#
13	David Henderson	11	13	13	13	50	3rd	#
77	Jay Munro	13		16	11	40	4th	#
30	Mark Fearn	20	0	0	20	40	5th	#
126	Martin Bulman	9	10	9	7	35	6th	#
95	Jason Horne	7	16	5	5	33	7th	9
54	Robbie Crighton	6	11	7	6	30	8th	8
92	Max Dillon	10		10	9	29	9th	7
115	Alexander Robertson		8	8	8	24	10th	6
26	Nyle Turney	8	9	6		23	11th	5
113	Calum Pert			11	10	21	12th	4
72	Wayne Fordyce	4	6	3	4	17	13th	3
117	Michael Van der merwe	5	4	4	3	16	14th	2
93	Cody Crawford	2	7			9	15th	1
96	Andrew Kirkwood	3		2	1	6		
69	Kyle Miller		5			5		
999	Tony Alexander	1		1	2	4		
80	Drew Paton		3			3		

KMSC Members Championship Points Table

300s	29 .	Apr /	/ 1 N	/lay				
NAME	Member R1	R2	R3	R4	1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 Total		Points	
Brandon Russell	25	25	25	25	1	00	1st	#
Harley Wylie	20	16	20	16		72	2nd	#
Lewis Rae	16	20	9	10		55	3rd	#
Ritchie O'neill	13	13	13	20		59	4th	#
Kade Watt	10	11	16	13		50	5th	#
Liam Keirnan	11	10	11	11		43	6th	#
Brooklyn Russell	9	9	8	8		34	7th	9
Marley Mackenzie		8	10	9		27	8th	8
							9th	7
							10th	6
							11th	5
							12th	4
							13th	3
							14th	2
							15th	1
	NAME Brandon Russell Harley Wylie Lewis Rae Ritchie O'neill Kade Watt Liam Keirnan Brooklyn Russell	NAME Member R1 Brandon Russell 25 Harley Wylie 20 Lewis Rae 16 Ritchie O'neill 13 Kade Watt 10 Liam Keirnan 11 Brooklyn Russell 9	NAME Member R1 R2 Brandon Russell 25 25 Harley Wylie 20 16 Lewis Rae 16 20 Ritchie O'neill 13 13 Kade Watt 10 11 Liam Keirnan 11 10 Brooklyn Russell 9 9	NAME Member R1 R2 R3 Brandon Russell 25 25 25 Harley Wylie 20 16 20 Lewis Rae 16 20 9 Ritchie O'neill 13 13 13 Kade Watt 10 11 16 Liam Keirnan 11 10 11 Brooklyn Russell 9 8	NAME Member R1 R2 R3 R4 R Brandon Russell 25 26 20 16 20 16 20 10 20<	NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 Total Brandon Russell 25 25 25 25 10 Harley Wylie 20 16 20 16 10 Lewis Rae 16 20 9 10 10 Ritchie O'neill 13 13 20 13 20 Kade Watt 10 11 16 13 Liam Keirnan 11 10 11 11 Brooklyn Russell 9 9 8 8	NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4 T0tal Brandon Russell 25 25 25 25 16 100 Harley Wylie 20 16 20 16 72 Lewis Rae 16 20 9 10 55 Ritchie O'neill 13 13 20 59 Kade Watt 10 11 16 13 50 Liam Keirnan 11 10 11 11 11 11 11 11 11 11 11 11 11 1	NAME Member R1 R2 R3 R4 R1 R2 R3 R4